

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **139/2020/HSST**
Ngày: 26-3-2020

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Vũ Quyền Lương – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/2020/HSST ngày 03 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 97/2019/QĐXX ngày 03 tháng 03 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1991, tại Đ. Nơi cư trú: Số 389/1, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M; sinh năm: 1965 và bà Huỳnh Thị Kim Q; sinh năm: 1965 và chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 03/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: không;

Bị bắt ngày 26/8/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

2. Họ và tên: **Nguyễn Công T**, sinh năm 1990, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu TT: Thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1968 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1969. Hiện sống chung như vợ chồng với chị Đặng Kim T và có 01 con sinh năm 2018, đăng ký khai sinh không có tên cha.

Tiền sự, tiền án, nhân thân: Không.

Bị bắt ngày 26/8/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

- Bị hại:

1. Anh **Vũ Ngọc B**, sinh năm 1981 và chị **Ngô Thị Ngọc B**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: 25/13, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Anh **Võ Lâm H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 21A, tổ 3, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Các bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T và Nguyễn Văn Th là bạn bè quen biết nhau, trong khoảng thời gian từ ngày 18 tháng 8 năm 2019 đến ngày 26 tháng 8 năm 2019, T và Th đã thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đ cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2019, T và Th điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 60AA-024.34 chở nhau đi trên đường dân sinh thuộc phường T, thành phố B thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 60F1-741.38 của vợ chồng anh Vũ Ngọc B (sinh năm 1981) và chị Ngô Thị Ngọc B (sinh năm 1986), cùng ngụ tại số 25/13, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đ đang dựng phía trước nhà tại địa chỉ số 56/4 khu phố 6, phường T, trên xe có gắn chìa khóa xe nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp và rủ Th cùng thực hiện thì Th đồng ý. Thực hiện ý định trên, T giao lại chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60AA-024.34 cho Th để cảnh giới và nổ máy chờ sẵn, còn T lén lút tiếp cận ngồi lên chiếc xe mô tô của vợ chồng anh B, dùng chân đẩy lùi ra ngoài đường, đồng thời mở khóa và nổ máy điều khiển chạy đi, cùng với Th tẩu thoát. Sau đó, T điều khiển xe chạy đến đường Phạm Văn Th đoạn gần Công ty giày Bitis’ phường T dùng điện thoại di động gọi điện trước cho đối tượng Trương Đức Q (sinh năm 1990, ngụ tại thôn H, xã D, huyện T, thành phố H) là người quen biết trong quá trình chơi game ở tiệm Nét tại phường L, sau đó T điều khiển xe đến khu vực chợ 26 – cây xăng 75 thuộc phường T và phường Tr để cầm đồ cho Q, trên đường đi cầm xe, T ghé vào 01 tiệm rửa xe bên đường (không nhớ được tên và địa chỉ cụ thể) xin được biển số 37C1-256.97 gắn thay vào chiếc xe SH trộm được để tránh bị phát hiện rồi mang đến địa điểm trên cầm cho Q được số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) nhưng T nói dối với Th là cầm được 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) và chia cho Th số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để tiêu xài.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 05 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2019, Th đi bộ một mình trên đường Đồng Khởi từ khu vực phường B về hướng phường T thì phát hiện phía trước Công ty Tường T tại địa chỉ 5/4A đường Đồng Khởi khu phố 1, phường T, thành phố B có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60F3-115.15 của anh Võ Lâm H (sinh năm 1984, ngụ tại số 21A, tổ 3, khu phố 2, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đ), trên xe có gắn chìa khóa nên Th nảy sinh ý định trộm cắp, Th liền lén lút tiếp cận chiếc xe, mở khóa và nổ máy điều khiển xe tẩu thoát. Sau đó, Th điều khiển xe vừa trộm

được đến phòng trọ của T tại khu phố 4, phường L, thành phố B nhờ T mang đi cầm, đồng thời nói cho T biết nguồn gốc chiếc xe trên là do Th mới trộm cắp được. T đồng ý và tiếp tục mang chiếc xe trên đến khu vực chợ 26 – cây xăng 75 thuộc phường T và phường Tr cầm đồ cho Q được số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), T nói dối Th số tiền cầm xe được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và đưa cho Th số tiền 5.000.000 đồng; còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) T tiêu xài cá nhân và chơi game hết 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) còn lại T giữ trên người. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, trên cơ sở kết quả xác minh, điều tra T, Th và Q đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt khẩn cấp; đồng thời tiến hành khám xét tại căn nhà số 209/54/18/2 khu phố 9, phường T, thành phố B của Q, thu giữ được 02 chiếc xe mô tô trên và một số đồ vật, tài sản khác để điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i gắn biển số 37C1-056.97, số khung 106094, số máy 0106091, thu giữ tại căn nhà số 209/54/18/2 khu phố 9, phường T của đối tượng Q, là xe mô tô có biển số 60F1-741.38 của chị Ngô Thị Ngọc B bị chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên (kèm theo biển số 60F1-741.38 được tìm thấy bên trong cốp xe) cho chị B;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter gắn biển số 60F2-062.81, số khung 088328, số máy 854767, thu giữ tại căn nhà số 209/54/18/2 khu phố 9, phường T của đối tượng Q là xe mô tô có biển số 60F3-115.15 của anh Võ Lâm H bị chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh H. (xe không có biển số, do sau khi cầm xe cho Q, không xác định được người đã thay biển số xe trên của xe);

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60AA-024.34, các bị cáo đã sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, là xe của bị cáo T mua lại của người bạn tên L (không rõ họ và địa chỉ), hiện Cơ quan điều tra đang tạm giữ;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobi Star, thu giữ của bị cáo T. Bị cáo T xác định đã sử dụng chiếc điện thoại di động hiệu Masstel để tiêu thụ 02 chiếc xe mô tô nêu trên.

- Số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), thu giữ của bị cáo T, là số tiền có được do tiêu thụ chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60F3-115.15;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 385/TCKH-HĐĐG ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 60F1-741.38 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60F3-115.15; đã qua sử dụng. Tổng giá trị 83.985.000 đồng (Tám mươi ba triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

Về dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại cáo trạng số 117/CT/VKS-HS ngày 21-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; .

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù. Bị cáo Nguyễn Công T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2019, T và Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 60F1-741.38, trị giá 40.794.000 đồng (Bốn mươi triệu, bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng) của anh Vũ Ngọc B và chị Ngô Thị Ngọc B. Sau đó, mang đi cầm cho đối tượng Trương Đức Q được số tiền 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 05 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2019, Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 60F3-115.15, trị giá 43.191.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu, một trăm chín mươi một nghìn đồng*) của anh Võ Lâm H. Sau đó, T đã mang chiếc xe do Th trộm cắp được tiếp tục cầm cho đối tượng Q được số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) chia nhau tiêu xài thì bị phát hiện, điều tra, xử lý.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Công T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội.

Xét vai trò của từng bị cáo trong tội trộm cắp tài sản: Các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn, không có phân công tổ chức chặt chẽ, cùng tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt phải chịu là ngang nhau.

Bị cáo Th là người rủ rê bị cáo T đi trộm cắp tài sản và là người tích cực 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nay lại tiếp tục phạm tội mới thể hiện bị cáo là người xem thường pháp. Do đó, bị cáo phải chịu mức án tương xứng trong vụ án để răn đe phòng ngừa chung là đúng pháp luật.

Bị cáo T là thực hành tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp xong còn là người trực tiếp tiêu thụ tài sản lại còn lừa dối bị cáo Th để được hưởng lợi nhiều hơn nên phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm vào tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Th còn phạm vào tình tiết “*tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối ích cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công số tiền thu nhập bất chính của bị cáo Th là 10.000.000đồng; bị cáo T là 22.000.000đồng hiện đã thu giữ của bị cáo 2.500.000đồng nên tiếp tục tịch thu của bị cáo số tiền 19.500.000đồng.

[8] Đối với Trương Đức Q có hành vi có dấu hiệu tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chứng cứ và tài liệu thu thập được trong thời gian tạm giữ đối với Q chưa đủ căn cứ để xử lý nên ngày 04 tháng 9 năm 2019 Q đã được trả tự do để tiếp tục xác minh, thu thập xử lý. Hiện chưa xác định được nơi cư trú của Q, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ để xử lý sau đối với Q theo quy định pháp luật;

[9] Trong quá trình điều tra Tuấn còn khai nhận cùng thời gian trên, T còn mang đi cầm đồ cho Q 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 60B1-023.12, trị giá 8.596.000 đồng (Tám triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) giùm cho đối tượng tên L (không rõ họ và địa chỉ). Bị cáo T xác định quá trình mang chiếc xe trên đi cầm, bị cáo không biết được nguồn gốc của chiếc xe, hiện chưa xác định được đối tượng L nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật;

[10] Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave biển số 60AA-024.34, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, chưa xác minh được rõ nguồn gốc và các vật chứng thu giữ được tại căn nhà số 209/54/18/2 khu phố 9, phường T gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 77D1-402.16, số khung 2157829, số

máy 083185; 01 chiếc xe mô tô Trung Quốc hiệu Boss, biển số 60B9-007.58, số khung 03418, số máy 034618; 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave Anpha biển số 72H1-229.38, số khung 280556, số máy 0280651; Các biển số xe 60Y5-4680, 60B1-023.12, 36N6-6089, 37C1-056.97 và 60F2-062.81; 01 khẩu súng dài 1,2m; 01 khẩu súng dài 20cm (Kiểu K54); 01 hộp tiếp đạn hình hộp chữ nhật; 01 trái hình cầu màu xanh rêu đường kính 07cm; 04 viên đạn hình trụ màu vàng và 80 viên đạn kim loại. Cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục tra cứu, xác minh, điều tra làm rõ để xử lý sau theo quy định pháp nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[11] Đối với nội dung trình bày của chị B và anh B xác định chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 125i biển số 60F1-741.38 khi bị mất trộm, bên trong cốp xe có để 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe và 01 Thẻ ATM đều mang tên Ngô Thị Ngọc B và 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 60F1-741.38 mang tên Vũ Ngọc B nhưng không có yêu cầu gì liên quan đến các giấy tờ và đồ vật này. Sau khi lấy trộm được chiếc xe trên, các bị cáo T và Th không kiểm tra bên trong cốp xe nên không biết về các giấy tờ, đồ vật trên. Do đó, không có đủ căn cứ để kết luận.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 26/8/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Công T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 26/8/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội

- Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobi Star không liên quan đến vụ án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B)

- Tịch thu sung công số tiền thu nhập bất chính của bị cáo Th là 10.000.000đồng; bị cáo T là 19.500.000đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.500.000đồng Biên lai thu số 09909 ngày 01/4/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B để bảo đảm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – Bị hại (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.500.000đồng của bị cáo Tuấn để bảo đảm thi hành án.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày

Và Biên lai thu số

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

*THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*